

Đề thi Nguyên lý ngôn ngữ lập trình (CO3005)_17/10/2021_09g00 (DH_GK211)

Trang chủ / Khoa học / Kiểm tra Học Kỳ I năm học 2021-2022 (Semester 1 - Academic year 2021-2022) / Đại Học Chính Quy (Bachelor program (Full-time study)) / Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính (Faculty of Computer Science and Engineering) / Khoa Học Máy Tính / CO3005_1_DH_GK211 / General / ĐỀ THI CHÍNH THỨC VÀ NƠI LÀM BÀI (L02)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC VÀ NƠI LÀM BÀI (L02)

Opens: Chủ nhật, 17 Tháng mười 2021, 9:00 AM

Closes: Chủ nhật, 17 Tháng mười 2021, 10:25 AM

Số lần làm bài cho phép: 1

Giới hạn thời gian: 1 giờ 20 phút

Thời gian còn lại 1:19:09

Câu hỏi 1

Chưa được trả lời

Chấm điểm của 2,00

1* Cờ câu hỏi

Câu hỏi được dùng để tính điểm B cho bài tập lớn số 1

Một địa chỉ IPv4 hợp lệ bao gồm đúng 4 chuỗi có tối đa 3 ký tự số (0-9) nhưng không bắt đầu bằng ký tự số 0 nếu có từ hai ký tự số trở lên. Các chuỗi đó được cách nhau bởi một dấu chấm (.).

Ví dụ: 192.0.1.1 là một địa chỉ hợp lệ nhưng 192.0.01.011 không là một địa chỉ hợp lệ.

Viết biểu thức chính quy bằng ANTLR4 cho một địa chỉ IPv4 hợp lệ. Sinh viên phải sử dụng **fragment** để nhận trọn điểm.

Câu hỏi 2

Chưa được trả lời

Chấm điểm của 3,00

1* Cờ câu hỏi

Câu hỏi được dùng để tính điểm B cho bài tập lớn số 1

Trong ngôn ngữ **MiniPHP**, chương trình bao gồm các khai báo biến. Một khai báo biến được gắn liền với lần đầu tiên biến đó được gán giá trị. Phép gán trong MiniPHP bao gồm các thành phần theo thứ tự tên biến **VARNAME**, dấu bằng **EQ**, một biểu thức và kết thúc bởi dấu chấm phẩy **SEMI**.

Biểu thức trong MiniPHP là tổ hợp của các toán hạng và các toán tử được viết theo trung thứ tự (infix expression).

- Các toán hạng bao gồm: tên biến, hằng số nguyên **INTLIT**, hằng số thực **FLOATLIT**, hằng chuỗi **STRINGLIT** hoặc một mảng. Có hai loại mảng trong MiniPHP là mảng chỉ số (indexed array) và mảng phối hợp tên (associative array).

+ Mảng chỉ số bắt đầu bằng từ khóa array **ARRAY** tiếp theo là một danh sách có thể rỗng các biểu thức được phân cách bởi một dấu phẩy **COMMA** và được bao lại bằng một cặp ngoặc tròn **LP** và **RP**.

+ Mảng phối hợp tên bằng từ khóa array **ARRAY** tiếp theo là một danh sách có thể rỗng các cặp kết hợp (associative pair) được phân cách bởi một dấu phẩy **COMMA** và được bao lại bằng một cặp ngoặc tròn **LP** và **RP**. Một cặp kết hợp bao gồm một tên cặp **PAIRNAME**, tiếp theo là dấu mũi tên **ARROW** và sau đó là một biểu thức.

- Các toán tử được liệt kê theo độ ưu tiên từ cao xuống thấp (các toán tử được mô tả trên cùng một dòng sẽ cùng một độ ưu tiên) và chỉ rõ tính kết hợp:

+ Toán tử **** DSTAR**: kết hợp phải

+ Toán tử **. DOT**: kết hợp trái

+ Toán tử *** MUL, / DIV, % MOD**: kết hợp trái

+ Toán tử **+ ADD, - SUB**: kết hợp phải.

+ Toán tử **?? DQUES**: không có tính kết hợp.

- Để thay đổi được độ ưu tiên và tính kết hợp, người ta có thể sử dụng cặp ngoặc tròn để tạo biểu thức con.

Sử dụng ANTLR4 để mô tả ngôn ngữ nói trên. Biết rằng các từ in đậm và nghiêng là tên các từ vựng trong ngôn ngữ đã đặt, sinh viên trực tiếp sử dụng các tên này.

Ví dụ:

```
abc = 1 + 2 ?? 3;
u = array(a1 => 3 , 4, a2 => 3 + (u2 % 5));
```


